

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG
TỔ SỬ-GDKTPL

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – KHỐI 12
NĂM HỌC 2024-2025

Nội dung ôn tập từ bài 4 đến bài 8. học sinh chú ý những nội dung trọng tâm sau.

BÀI 4:

Câu 1. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong hoàn cảnh nào sau đây?

- A. Thế giới và khu vực đang có những chuyển biến quan trọng.
- B. Tất cả các nước khu vực Đông Nam Á đều giành được độc lập.
- C. Chiến tranh lạnh kết thúc, các dân tộc đang hòa hợp, hòa giải.
- D. Xu thế hòa hoãn Đông - Tây trở thành chủ đạo trên thế giới.

Câu 2. Một trong những xu thế xuất hiện từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai (1945) là

- A. Chống khủng bố
- B. Liên kết khu vực.
- C. Thực dân hóa.
- D. Toàn cầu hóa.

Câu 3. Ngày 8 - 8 - 1967, tại Băng - Cốc (Thái Lan) đã diễn ra sự kiện nào?

- A. Tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN.
- B. Vấn đề Cam-pu-chia được giải quyết.
- C. Lễ kết nạp Việt Nam làm thành viên.
- D. Hiệp ước Ba-li đã được thông qua.

Câu 4. Một trong những mục đích thành lập của tổ chức ASEAN là

- A. đưa Đông Nam Á trở thành số 1 thế giới.
- B. xây dựng khối tư bản chủ nghĩa phát triển.
- C. thúc đẩy hòa bình - ổn định của khu vực.
- D. thúc đẩy sự hợp tác toàn diện, thống nhất.

Câu 5. Văn kiện nào đã nêu rõ mục đích thành lập của tổ chức ASEAN?

- A. Tuyên bố ASEAN.
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- C. Hiệp định Pa-ris.
- D. Tuyên bố Lahay.

Câu 6. Quốc gia nào là thành viên thứ 10 của ASEAN?

- A. Việt Nam.
- B. Thái Lan.
- C. Mi-an-ma.
- D. Cam-pu-chia.

Câu 7. Trong quá trình phát triển của ASEAN, giai đoạn từ 1967 - 1976 có đặc điểm là gì?

- A. Phát triển rất thần kỳ.
- B. Xây dựng nền móng.
- C. Tránh đối đầu quân sự.
- D. Nền kinh tế xuất khẩu.

Câu 8. Từ khi thành lập đến năm 1976, ASEAN là tổ chức

- A. hùng mạnh.
- B. phát triển.
- C. chặt chẽ.
- D. non yếu.

Câu 9. Sự kiện nào sau đây đã đưa ASEAN từ tổ chức non yếu trở nên hoàn thiện, vị thế được nâng cao trên thế giới?

- A. Hiệp ước Ba-li được ký kết.
- B. Thông qua tuyên bố ASEAN.
- C. Thông cáo Thượng Hải.
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Câu 10. Mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN từ năm 1979 đến 1989 là

- A. đồng minh.
- B. hợp tác.
- C. căng thẳng.
- D. hòa bình.

Câu 11. Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945), Đông Nam Á là thuộc địa của

- A. Nhật.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Mỹ.

Câu 12. Một trong những quốc gia tham gia sáng lập tổ chức ASEAN (1967) là

- A. Cam-pu-chia.
- B. Việt Nam.
- C. Thái Lan.
- D. Bru-nây.

Câu 13. Ba nước ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập vào năm 1945 là

- A. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Ma-lai-xi-a.
- B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào.
- C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
- D. Xin-ga-po, In-đô-nê-xi-a, Việt Nam.

Câu 14. Một trong những mục tiêu của tổ chức ASEAN khi thành lập là

- A. phát triển kinh tế và văn hóa thông qua những nỗ lực hợp tác chung.

- B. tăng cường quan hệ hợp tác mọi mặt nhằm phát triển kinh tế - xã hội.
- C. để củng cố quan hệ chính trị, giúp đỡ Đông Dương giành lại độc lập.
- D. để giải quyết vấn đề xung đột Cam-pu-chia và tranh chấp ở Biển Đông.

Câu 15. Tổ chức hợp tác nào mang tính khu vực trên thế giới đã cổ vũ các nước Đông Nam Á tìm cách liên kết lại với nhau ?

- A. Diễn đàn hợp tác kinh tế Á - Âu.
- B. Diễn đàn kinh tế Thái Bình Dương.
- C. Cộng đồng các quốc gia độc lập.
- D. Cộng đồng kinh tế Châu Âu.

Câu 16. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự ra đời của tổ chức ASEAN là

- A. hợp tác để cùng nhau phát triển.
- B. thành lập một liên minh quân sự.
- C. tiến tới thành lập nước Liên bang.
- D. tổ chức lại trật tự khu vực châu Á.

Câu 17. Một trong những nội dung hợp tác chủ yếu của các nước ASEAN là

- A. quân sự.
- B. đối ngoại.
- C. kinh tế.
- D. thể thao.

Câu 18. Một trong những khó khăn mà các nước ASEAN phải đương đầu sau khi thành lập là

- A. khủng hoảng tài chính.
- B. xuất phát điểm rất thấp.
- C. nhiều dịch bệnh diễn ra.
- D. xu thế hợp tác khu vực.

Câu 19. Vì sao trong giai đoạn 1979 - 1991 giữa Việt Nam và ASEAN là đối đầu, căng thẳng?

- A. Vấn đề Cam-pu-chia.
- B. Tranh chấp biên giới.
- C. Xung đột ở Biển Đông.
- D. Khủng hoảng năng lượng.

Câu 20. Sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (1995), đã tác động như thế nào đến sự phát triển của tổ chức này?

- A. Đập tan âm mưu nô dịch các nước ASEAN.
- B. Cùng cố nền độc lập mới ở Đông Nam Á.
- C. Đẩy nhanh quá trình phát triển của ASEAN.
- D. Thúc đẩy nhanh quá trình phi thực dân hóa.

BÀI 5:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Hiện nay, mối đe dọa tiềm tàng đến an ninh của các quốc gia Đông Nam Á là

- A. sự khác biệt về thể chế chính trị.
- B. chênh lệch về trình độ phát triển.
- C. vấn đề tranh chấp ở Biển Đông.
- D. xung đột biên giới trên đất liền.

Câu 2. Trong những năm gần đây, nguyên nhân chủ yếu nào sau đây khiến cho tình hình Biển Đông trở nên căng thẳng?

- A. Sự vi phạm luật pháp quốc tế của Trung Quốc.
- C. Vấn đề cướp biển ngày càng trở nên khó lường.
- B. Nhiều ngư dân Việt Nam khai thác trộm hải sản.
- D. Nạn ô nhiễm môi trường biển rất nghiêm trọng.

Câu 3. Văn bản đầu tiên đưa ra ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN có nhận thức về các mối quan hệ lịch sử là

- A. Tầm nhìn ASEAN 2025.
- B. Tầm nhìn ASEAN 2020.
- C. Hiến chương ASEAN.
- D. Hiệp ước Ba-li (1976).

Câu 4. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hướng tới của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN?

- A. thu hẹp khoảng cách giữa các nước ASEAN về dân trí.
- B. giảm nghèo, thu hẹp khoảng cách về kinh tế - xã hội.
- C. xây dựng một ASEAN giàu có, không vũ khí hạt nhân.
- D. đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết lớn nhất thế giới.

Câu 5. Nội dung nào sau đây là mục tiêu hướng tới của các nước Đông Nam Á khi xây dựng Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN?

- A. thu hẹp khoảng cách giữa các nước ASEAN về dân trí.
- B. xây dựng tinh đoàn kết, hữu nghị giữa các nước ASEAN.
- C. xây dựng một ASEAN giàu có, không có vũ khí hạt nhân.
- D. đưa ASEAN trở thành tổ chức liên kết lớn nhất thế giới.

Câu 6. Mục tiêu xây dựng cộng đồng ASEAN là

- A. biến ASEAN thành tổ chức hợp tác mạnh nhất.
- B. các nước đoàn kết giúp đỡ nhau khi bị xâm lược.
- C. củng cố khối đoàn kết của ASEAN trên vấn đề quân sự.
- D. đưa ASEAN trở thành một cộng đồng ràng buộc hơn.

Câu 7. Đây là cơ sở pháp lý để các nước Đông Nam Á xây dựng Cộng đồng ASEAN?

- A. Hiến chương ASEAN.
- B. Tuyên bố Băng - cốc.
- C. Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. hiệp ước Ba-li 1976.

Câu 8. Một trong những văn kiện đã nêu rõ kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN là

- A. kế hoạch tổng thể xây dựng cộng đồng ASEAN.
- C. lộ trình xây dựng cộng đồng ASEAN (2009-2015).
- B. tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).
- D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội.

Câu 9. Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN được thông qua tại

- A. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 (2020)
- B. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 14 (2009).
- C. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)
- D. hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 11 (2005)

Câu 10. Ngày 22-11-2015, tuyên bố Cua-la Lăm-pơ được ký kết đã đánh dấu

- A. Cộng đồng ASEAN được thành lập.
- B. khu vực Đông Nam Á giành độc lập.
- C. sự phát triển nhảy vọt của ASEAN.
- D. ASEAN hoàn thành mở rộng thành viên.

Câu 12. Đây không phải là một trong những trụ cột của Cộng đồng ASEAN?

- A. Cộng đồng Chính trị - An ninh.
- B. Cộng đồng Văn hóa - Xã hội.
- C. Cộng đồng An ninh - Quốc phòng.
- D. Cộng đồng Kinh tế.

Câu 13. Hợp tác kinh tế giữa các nước ASEAN tăng lên nhanh chóng từ khi

- A. Cộng đồng kinh tế ASEAN được thành lập.
- B. Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 (2004)
- C. Tuyên bố chung Cua-la Lăm-pơ (tại Malaxia).
- D. Hội nghị cấp cao của ba nước Đông Dương.

Câu 14. Một trong những thách thức mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị.
- B. gặp những khó khăn về địa lý.
- C. một số quốc gia không có biển.
- D. khí hậu ngày càng khắc nghiệt.

Câu 15. Một trong những thách thức về kinh tế mà Cộng đồng ASEAN phải đối mặt trong quá trình xây dựng và phát triển là

- A. sự đa dạng về chế độ chính trị.
- B. sự xung đột lãnh thổ, biên giới.
- C. chênh lệch trình độ phát triển.
- D. những vấn đề lịch sử sâu xa.

Câu 17. Vấn đề Biển Đông có tác động như thế nào đến sự hợp tác và phát triển của Cộng đồng ASEAN?

- A. Thách thức lớn đối với sự phát triển của Cộng đồng ASEAN.
- B. Cần tập hợp sự đoàn kết của các nước ASEAN để giải quyết.
- C. Giúp các nước Đông Nam Á trở thành một khối thống nhất.
- D. Xóa bỏ những mâu thuẫn để cùng nhau hợp tác và phát triển.

Câu 18. Một trong những khó khăn mà các nước Đông Nam Á phải đương đầu khi quyết định xây dựng Cộng đồng chính trị - an ninh (APSC) là

- A. các quốc gia thành viên ASEAN từ chối tham gia.
- C. ảnh hưởng đến chủ quyền của quốc gia, dân tộc.
- B. gây mỗi nghi ngờ cho các cường quốc láng giềng.
- D. tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc.

Câu 19. Tính chất của Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) là

- A. phi quân sự.
- B. phi hạt nhân.
- C. phòng thủ chung.
- D. liên minh quân sự.

Câu 20. Nguyên tắc hoạt động quan trọng nhất của Cộng đồng chính trị - an ninh (APSC) là

- A. tôn trọng quyền con người.
- B. tuân thủ luật pháp quốc tế.
- C. thực hiện tự do, dân chủ.
- D. đảm bảo hòa bình, an ninh.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Vấn đề Biển Đông, biến đổi khí hậu, quản trị lưu vực sông Mê Công đang là những thách thức hàng đầu đe dọa sự ổn định và phát triển của Cộng đồng ASEAN nói riêng và Đông Nam Á nói chung. Các thách thức này có tính khu vực, đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ giữa quốc gia ASEAN và giữa ASEAN với đối tác bên ngoài.”

Tư liệu 2: “Đề hiện thực hóa AEC, nhiều hiệp định, thỏa thuận, sáng kiến đã được đàm phán, ký kết và thực hiện, như Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định khung về dịch vụ ASEAN (AFAS), Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA),... nhằm tạo ra dòng luân chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư và lao động trong khối ASEAN.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 22, 25.)

- Tư liệu 1 nói về những thách thức mà ASEAN đang phải đối mặt hiện nay.
- Tư liệu 2 nói về cách thức giải quyết những thách thức nêu ra ở tư liệu 1.
- Tư liệu 2 nói về AEC, đây là một trong ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
- Đề xây dựng Cộng đồng ASEAN, cần hợp tác nội khối và với bên ngoài.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bên cạnh đó, những thách thức từ bên ngoài cũng tác động đến Cộng đồng ASEAN như: cạnh tranh ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực, diễn biến phức tạp của tình hình Biển Đông và tình hình quốc tế; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, dịch bệnh,... Để vượt qua những thách thức, các nước ASEAN đã và đang đẩy nhanh quá trình triển khai các kế hoạch đã đề ra vì lợi ích chung, lâu dài của cả cộng đồng.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 30.)

- Tư liệu trên nói về những thách thức mà ASEAN đang phải đối diện hiện nay.
- Để vượt qua thách thức, ASEAN không được liên kết với các nước ngoài khu vực.
- Ô nhiễm môi trường và dịch bệnh là hai thách thức lớn nhất mà ASEAN đối mặt.
- Để vượt qua những thách thức, các thành viên ASEAN cần hợp tác và đoàn kết.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Về triển vọng, ASEAN sẽ tiếp tục phát triển với mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu rộng trên cả ba trụ cột, tiếp tục là một trong những khu vực phát triển năng động nhất trên thế giới. Về đối ngoại, ASEAN có quan hệ rộng mở với các đối tác bên ngoài, đồng thời có uy tín, vị thế ngày càng cao trong khu vực và trên thế giới.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 30.)

- Ba trụ cột hợp tác ngày nay của ASEAN là kinh tế, chính trị - an ninh, văn hóa - xã hội.
- ASEAN đã trở thành tổ chức hợp tác khu vực phát triển và năng động nhất trên thế giới.
- ASEAN đã có quan hệ hợp tác rộng mở với tất cả các đối tác ở khu vực và trên thế giới.
- Uy tín và vị thế của ASEAN ngày càng cao vì có mức độ liên kết, hợp tác ngày càng sâu.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 37 tại Hà Nội (2020) đã nhất trí thông qua việc xây dựng Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN sau năm 2025, hướng tới việc gắn kết chặt chẽ các nội dung hợp tác trên cả ba trụ cột (Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội), đồng thời bổ sung những nội dung mới như: hợp tác về chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số, kinh tế xanh....

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, trang 29.)

- Đến năm 2015, Cộng đồng ASEAN đã được thành lập với hợp tác ở ba trụ cột.
- Cộng đồng ASEAN là tổ chức thay thế cho Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á.
- Hợp tác Chính trị - an ninh là nội dung quan trọng nhất của Cộng đồng ASEAN.
- Cộng đồng ASEAN đang xây dựng quá trình nhất thể hóa về chính trị, kinh tế.

BÀI 6:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Thắng lợi nào của nhân dân Việt Nam đã góp phần xóa bỏ chủ nghĩa phát xít trên thế giới?

- A. Cách mạng tháng Tám 1945. B. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký.
C. Hiệp định Pa-ri được ký kết. D. Chính quyền Xô viết thành lập.
- Câu 2.** Nguyên nhân nào sau đây là nhân tố quyết định dẫn tới thắng lợi của Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?
A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng. B. Tinh thần đoàn kết quốc tế vô sản.
C. Nhật đầu hàng quân Đồng minh. D. Thắng lợi của Hồng quân Liên Xô.
- Câu 3.** Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã thông qua quyết định nào dưới đây?
A. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội. B. Đã phát động cao trào kháng Nhật.
C. Phát lệnh Tổng khởi nghĩa cả nước. D. Thống nhất lực lượng vũ Việt Nam.
- Câu 4.** Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào (14-15/8/1945) đã thông qua kế hoạch nào sau đây?
A. Thống nhất các lực lượng vũ trang. B. Quyết định khởi nghĩa ở Hà Nội.
C. Lãnh đạo toàn dân Tổng khởi nghĩa. D. Giải phóng dân tộc trong năm 1945.
- Câu 5.** Nội dung nào sau đây là điều kiện khách quan thuận lợi cho Cách mạng tháng Tám nổ ra?
A. Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ. B. phát xít Đức đầu hàng quân Đồng minh.
C. Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản. D. Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện.
- Câu 6.** Thời cơ khách quan thuận lợi của Cách mạng tháng Tám là sự kiện nào sau đây?
A. Nhật đảo chính lật đổ Pháp trên toàn Đông Dương (9/3/1945).
B. Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật (6, 9/8/1945).
C. Đức đã đầu hàng quân Đồng minh vô điều kiện (9/5/1945).
D. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện (15/8/1945).
- Câu 7.** Sự kiện nào sau đây đánh dấu nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập?
A. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập (2/9/1945). C. Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng (8/1945)
B. Đại hội quốc dân họp ở Tân Trào (8/1945). D. Tiến hành Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (1/1946).
- Câu 8.** Theo những quy định tại hội nghị Potsdam, việc giải giáp quân Nhật ở Đông Dương được giao cho
A. Anh. B. Pháp. C. Đức. D. Mỹ.
- Câu 9.** Ngày 9/8/1945, quân đội Liên Xô tham chiến chống Nhật ở châu Á khi đã tấn công
A. quân Đức ở Béc-lin. B. đạo quân Quan Đông
C. Nhật ở Đông Dương. D. tàn dư phát xít Đức.
- Câu 10.** Trước khi Cách mạng tháng Tám nổ ra, lực lượng thân Nhật nào sau đây tồn tại ở Việt Nam?
A. Bọn Việt Quốc và Việt Cách. B. Chính phủ kháng chiến Fulro.
C. Chính phủ Trần Trọng Kim. D. Nhà nước Tin Lành Đê-ga.
- Câu 11.** Tổ chức cách mạng nào sau đây đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi?
A. Đảng Cộng sản Đông Dương. B. Đảng Cộng sản Việt Nam.
C. Đảng Lao động Việt Nam. D. Việt Nam Quốc dân đảng.
- Câu 12.** Hình thức đấu tranh nào sau đây **không** được tiến hành trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945)?
A. Quân sự. B. Chính trị. C. Binh vận. D. Nghị trường.
- Câu 13.** Trước khi Tổng khởi nghĩa tháng Tám (1945) nổ ra, Đảng Cộng sản Đông Dương đã xây dựng được căn cứ địa cách mạng nào sau đây?
A. Việt Bắc. B. Đông Bắc. C. Tây Bắc. D. Nam Bộ.
- Câu 14.** Cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám (1945) là
A. Phong trào Đông Du. B. Phong trào Cần Vương.
C. Phong trào 1930 - 1931. D. Phong trào 1936 - 1939.
- Câu 15.** Một trong những nguyên nhân khách quan dẫn tới thắng lợi của Cách mạng tháng Tám (1945) là
A. những thắng lợi của khối Đồng minh. B. sự chuẩn bị của Đảng trong 15 năm.
C. tinh thần đoàn kết của nhân dân. D. sự giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc.

Câu 16. Hành động thể hiện sự nhạy bén, kịp thời của Đảng Cộng sản Đông Dương trước những chuyển biến của tình hình thế giới vào đầu tháng 8/1945 là

- A. thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.
- B. triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng Tân Trào.
- C. đã gấp rút thành lập 19 ban xung phong Nam tiến.
- D. lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra quân lệnh số 1.

Câu 17. Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (từ ngày 16 - 17/8/1945) đã thể hiện

- A. ý chí thống nhất đoàn kết và nguyện vọng của toàn dân.
- B. cuộc Tổng khởi nghĩa đã diễn ra và thắng lợi nhanh chóng.
- C. chủ trương Tổng khởi nghĩa giành chính quyền của Đảng.
- D. quyết tâm phối hợp với phe Đồng minh để chống phát xít.

Câu 18. Trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, thắng lợi ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn có ý nghĩa

- A. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền được thắng lợi trong cả nước.
- B. ảnh hưởng lớn và quyết định đến các địa phương trong cả nước.
- C. đó là các cuộc khởi nghĩa hình mẫu trong Cách mạng tháng Tám.
- D. đánh dấu Cách mạng tháng Tám giành được thắng lợi hoàn toàn.

Câu 19. Thời cơ của Tổng khởi nghĩa tháng Tám được xác định trong khoảng thời gian từ khi

- A. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- B. Mỹ tuyên chiến với Nhật đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- C. Nhật đảo chính Pháp đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.
- D. Nhật đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương.

Câu 20. Sự kiện nào dưới đây đánh dấu chế độ phong kiến ở Việt Nam đã sụp đổ hoàn toàn?

- A. Giam được chính quyền ở Hà Nội.
- B. Vua Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị.
- C. Khởi nghĩa thắng lợi trong cả nước.
- D. Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam góp phần vào chiến thắng chủ nghĩa phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai. Chọc thủng khâu yếu nhất trong hệ thống thuộc địa, làm suy yếu chủ nghĩa đế quốc. Góp phần cổ vũ các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc đứng lên đấu tranh tự giải phóng, đồng thời có ảnh hưởng đến công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của Lào và Cam-pu-chia.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 32).

- a. Cách mạng tháng Tám đã góp phần đánh bại phát xít Nhật Bản.
- b. Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình ở châu Á.
- c. Cách mạng tháng Tám đã giải phóng Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia.
- d. Cách mạng tháng Tám đã cổ vũ các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cách mạng tháng Tám năm 1945 mở ra bước ngoặt lớn của dân tộc: kết thúc ách cai trị hơn 80 năm của thực dân Pháp và gần 5 năm của quân phiệt Nhật; chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ. Đưa đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Mở đầu kỷ nguyên mới: kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội. Đưa Đảng Cộng sản Đông Dương từ một đảng bí mật trở thành đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo của cách mạng Việt Nam.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 32.)

- a. Cách mạng tháng Tám đã kết thúc chế độ thực dân và phong kiến ở Việt Nam.
- b. Sau Cách mạng tháng Tám, Việt Nam có hòa bình và tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- c. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là nhà nước của giai cấp công nông và nhân dân.
- d. Cách mạng tháng Tám đã xóa bỏ hoàn toàn những tàn tích của chế độ quân chủ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Suốt dọc đường đi bộ về Hà Nội, [Võ Nguyên] Giáp và binh sỹ của ông đón nhận sự ủng hộ rầm rộ của dân chúng địa phương. Những lá cờ đỏ sao vàng bay trên mọi làng ông đi qua. Sau khi đến Gia Lâm, gần Hà Nội những tiền đồn của quân Nhật đã chặn đường. Sau một hồi tranh cãi, quân Nhật đã để cho họ đi qua... Tinh thần dân chúng đã đổi thay khi họ biết Việt Minh đã giành chính quyền ở Hà Nội... Các tội phạm đã biến mất. Ngay đến những vụ trộm và cướp giết cũng giảm hẳn”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 31).

- a. Tư liệu trên nói về những sự kiện liên quan đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.
- b. Hà Nội đã giành chính quyền sau khi tiêu diệt hoàn toàn quân đội phát xít Nhật.
- c. Quần chúng nhân dân đã giành sự ủng hộ rất to lớn cho các lực lượng cách mạng.
- d. Võ Nguyên Giáp là lãnh tụ tối cao của Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Bảo Đại đọc xong [Chiếu thoái vị] thì trên kỳ đài lá cờ vàng từ từ hạ xuống và lá cờ nền đỏ thắm tươi long lanh năm cánh sao vàng được kéo lên giữa những tiếng và tay... những tiếng hoan hô như sấm... rồi ông Trần Huy Liệu đọc bản tuyên bố của Đoàn đại biểu Chính phủ nêu rõ thắng lợi của Cách mạng tháng Tám là kết quả của hàng mấy chục năm đấu tranh anh dũng, bền bỉ của nhân dân cả nước, tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 33.)

- a. Tư liệu trên nói về sự kiện vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị tại thủ đô Hà Nội.
- b. Sự kiện nhắc tới trong tư liệu diễn ra vào ngày 30 tháng 8 năm 1945 tại Huế.
- c. Cách mạng tháng Tám đã chấm dứt chế độ quân chủ và mọi tàn tích của nó.
- d. Sau cách mạng, chế độ quân chủ được phục hồi khi Pháp quay lại xâm lược.

BÀI 7: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945 - 1954)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Một trong những mục đích của Pháp khi đưa quân tấn công lên Việt Bắc (1947) là

- A. kết thúc chiến tranh trong danh dự.
- B. đưa được tù binh Pháp trở về nước.
- C. tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến.
- D. thành lập Liên bang Đông Dương.

Câu 2. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ có hạn chế nào sau đây?

- A. Chỉ có thể tiếp tế bằng đường không.
- B. Quá đông quân trên một địa bàn nhỏ.
- C. Các cứ điểm không bố trí vững chắc.
- D. Hòa lực chi viện của Pháp rất yếu.

Câu 3. Vì sao các tướng lĩnh Pháp, Mỹ nói “Điện Biên Phủ là bất khả xâm phạm”?

- A. Đây là một căn cứ quân sự lớn nhất ở châu Á.
- B. Có lực lượng đặc nhiệm Mỹ đóng chốt, chi viện.
- C. Quân đông, vũ khí hiện đại, cứ điểm kiên cố.
- D. Mỹ sẵn sàng dùng bom nguyên tử hỗ trợ Pháp.

Câu 4. Hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954 là

- A. kháng chiến và kiến quốc.
- B. kháng chiến và lao động.
- C. chiến đấu và sản xuất.
- D. kháng chiến và cải cách.

Câu 5. Khi Pháp xâm lược Nam Bộ, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có hành động nào sau đây?

- A. Đã tiến hành đàm phán khẩn cấp với Pháp.
- B. Tố cáo hành vi của Pháp đến Liên hợp quốc.
- C. Đưa toàn bộ quân đội vào Nam chiến đấu.
- D. Huy động cả nước để chi viện cho Nam Bộ.

Câu 6. Một trong những nội dung của đường lối kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

- A. đoàn kết kháng chiến.
- B. vườn không nhà trống.
- C. toàn dân kháng chiến.
- D. đánh nhanh thắng nhanh.

Câu 7. Đây là một trong những thắng lợi mà nhân dân Việt Nam đã giành được trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)?

- A. Chiến thắng An Lão.
- B. Chiến thắng Việt Bắc.
- C. Chiến thắng Cửa Việt.
- D. Chiến thắng Vạn Tường.

Câu 8. Hoàn cảnh ra đời của kế hoạch quân sự Nava (1953) là

- A. Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn. B. cuộc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ
C. quân Pháp thiệt hại hết sức nặng nề. D. Mỹ ép Pháp kết thúc nhanh chiến tranh.

Câu 9. Trong giai đoạn một của kế hoạch Nava, Pháp tiến hành phòng ngự ở

- A. Bắc Bộ. B. Nam Bộ. C. Đà Nẵng. D. Trung Bộ.

Câu 10. Một trong những nội dung của phương hướng tiến công chiến lược trong Đông Xuân 1953 - 1954 buộc Pháp phải

- A. tập trung lực lượng. B. phân tán lực lượng.
C. chiếm đất giành dân. D. đánh nhanh rút gọn.

Câu 11. Tháng 11-1953, khi phát hiện bộ đội Việt Nam lên Tây Bắc, Nava điều quân chiếm giữ

- A. Bắc Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ.
C. Điện Biên Phủ. D. Tây Trường Sơn.

Câu 12. Một trong những mục tiêu của Việt Nam khi mở chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) là

- A. tiêu diệt sinh lực địch. B. kết thúc chiến tranh.
C. mở rộng căn cứ địa. D. liên lạc với bên ngoài.

Câu 13. Sau Đại hội đại biểu lần thứ II (2-1951), Đảng Cộng sản Đông Dương có tên gọi là

- A. Đảng Lao động Việt Nam. B. Việt Nam quốc dân đảng.
C. An Nam Cộng sản đảng D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 14. Chiến dịch tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ diễn ra trong bao nhiêu đợt?

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 15. Một trong những nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) là

- A. sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. B. viện trợ to lớn của Trung Quốc.
C. ba nước Đông Dương đoàn kết. D. phong trào phản đối chiến tranh.

Câu 16. Một trong những nguyên nhân bùng nổ của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (12-1946) là do

- A. Pháp bội ước, buộc Việt Nam đầu hàng. B. nhân dân Việt Nam quyết tâm chiến đấu.
C. Việt Nam có được giúp đỡ của Liên Xô D. Pháp không chấp nhận ký hiệp định mới.

Câu 17. Một trong những cơ sở để Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra đường lối kháng chiến toàn dân là do

- A. Pháp đã suy yếu, tổn thất. B. truyền thống của dân tộc.
C. Mỹ đã hỗ trợ cho Pháp. D. tình hình thế giới yêu cầu.

Câu 18. Thắng lợi nào của quân và dân Việt Nam đã đánh bại chiến thuật đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài?

- A. Tầm Vu (1948). B. Biên Giới (1950).
C. Việt Bắc (1947). D. Hòa Bình (1951)

Câu 19. Quân dân Việt Nam đã giành quyền chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ sau thắng lợi của chiến dịch nào sau đây?

- A. Tầm Vu (1948). B. Biên Giới (1950).
C. Việt Bắc (1947). D. Hòa Bình (1951)

Câu 20. Pháp đề ra kế hoạch Nava (1953) với mục đích chính là

- A. kết thúc chiến tranh trong danh dự. B. đưa được tù binh Pháp trở về nước,
C. tiêu diệt hoàn toàn bộ đội Việt Nam. D. thành lập Liên bang Đông Dương.

Câu 21. Âm mưu chính của Pháp - Mỹ khi xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ là nhằm

- A. thu hút và tiêu diệt bộ đội chủ lực Việt Nam. C. giành lại thế chủ động trên chiến trường.
B. bảo vệ vùng Tây Bắc, khóa chặt biên giới. D. ngăn chặn sự liên lạc giữa Việt Nam và Lào.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quân dân Sài Gòn - Chợ Lớn cùng quân dân Nam Bộ nhất tề đứng lên chiến đấu chống quân xâm lược bằng nhiều hình thức như: đốt cháy tàu Pháp vừa cập bến Sài Gòn, đánh phá kho tàng, dựng chướng ngại vật và chiến lũy trên đường phố.

Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tán thành, kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ. Hàng vạn thanh niên gia nhập quân đội, sung vào các đoàn quân “Nam tiến” cùng với nhân dân Nam Bộ và Nam Trung Bộ chiến đấu. Cuộc chiến đấu ở Nam Bộ đã giáng đòn đầu tiên vào âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, tạo điều kiện để nhân dân Nam Bộ và cả nước chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến lâu dài.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 39.)

- a. Tư liệu nói về giai đoạn trước khi cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp bùng nổ.
- b. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đã đánh bại âm mưu đánh nhanh thắng nhanh của Pháp.
- c. “Nam Tiến” là những đoàn quân từ phía Bắc vào chiến đấu cùng nhân dân Nam Bộ.
- d. Cuộc kháng chiến ở Nam Bộ đã mở đầu cho cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 02/1951, tại chiến khu Việt Bắc, Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp và quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai với tên mới là Đảng Lao động Việt Nam. Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình trưởng thành và lãnh đạo cách mạng của Đảng, là “Đại hội kháng chiến thắng lợi”. Sau đó, Mặt trận Việt Minh và

Hội Liên Việt hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt (3/1951) nhằm củng cố sức mạnh đoàn kết thống nhất toàn dân tộc; đồng thời, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập (11/3/1951) nhằm tăng cường khối đoàn kết ba nước Đông Dương chống kẻ thù chung.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 41).

- a. Tại Đại hội lần thứ hai, Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành đảng cầm quyền.
- b. Sau Đại hội, Đảng Cộng sản Đông Dương đổi tên là Đảng Lao động Việt Nam.
- c. Mặt trận Liên Việt ra đời nhằm đoàn kết ba dân tộc Đông Dương để chống Pháp.
- d. Liên minh Việt - Miên - Lào là tổ chức chính trị của Đảng Lao động Việt Nam.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Thắng lợi của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 - 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở cho việc đàm phán và ký Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương (ngày 21-7-1954).”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 44.)

- a. Tư liệu trên nói về vai trò của mặt trận quân sự trong cuộc kháng chiến chống Pháp.
- b. Chiến thắng Điện Biên Phủ đã chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam của Pháp.
- c. Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký là sự phối hợp của hai mặt trận quân sự và ngoại giao.
- d. Chiến thắng Điện Biên Phủ có tác dụng quyết định đến thắng lợi ở hội nghị Giơ-ne-vơ.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Tư liệu 1: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.”

Tư liệu 2: “Thắng lợi của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống xâm lược đã cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ La-tinh.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Chân trời sáng tạo, trang 45.)

- a. Tư liệu 1 nói về ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam.
- b. Tư liệu 2 nói về ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.
- c. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ.
- d. Với thắng lợi của kháng chiến chống Pháp, Việt Nam hoàn toàn độc lập, tự do.

BÀI 8:

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Một trong những điểm tương đồng về mục đích của Mỹ khi tiến hành hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc từ 1965 - 1968 và 1972 là

- A. buộc quân dân Việt Nam đầu hàng không điều kiện.
- B. không chế, hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên biển.
- C. phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.
- D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 2. Một trong những điểm giống nhau của chiến dịch Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh (1975) là

- A. huy động tối đa lực lượng.
- B. phương châm chiến dịch.
- C. phương thức đề chiến đấu.
- D. sự phối hợp của không quân.

Câu 3. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) vẫn còn nguyên giá trị đối với hôm nay

- A. kiên quyết sử dụng bạo lực giải quyết tranh chấp.
- C. thực hiện cùng lúc nhiều nhiệm vụ cách mạng mới.
- B. kiên trì sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- D. tranh thủ tối đa sự viện trợ từ các nước đồng minh.

Câu 4. Bài học kinh nghiệm nào sau đây được rút ra trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975) vẫn còn nguyên giá trị đối với hôm nay

- A. thực hiện thế trận chiến tranh nhân dân.
- B. xây dựng liên minh quân sự với Ấn Độ.
- C. gia nhập vào các khối liên minh quân sự.
- D. liên kết chặt chẽ với các nước Đông Âu.

Câu 5. Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960) ở miền Nam Việt Nam?

- A. Lung lay tận gốc chính quyền Ngô Đình Diệm.
- C. Bước phát triển mới của cách mạng miền Nam.
- B. Đánh bại “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.
- D. Cách mạng miền Nam chuyển sang thế phản công.

Câu 6. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là

- A. tiến lên chủ nghĩa xã hội.
- B. cải tạo xã hội chủ nghĩa.
- C. trực tiếp chống Mỹ - Diệm.
- D. chống chiến tranh phá hoại.

Câu 7. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) đã xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là

- A. vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây dựng căn cứ địa.
- B. đấu tranh đòi Mỹ - Diệm thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- C. hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.
- D. khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương của chiến tranh.

Câu 8. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9/1960) xác định cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có vai trò

- A. quyết định nhất đối với sự phát triển của cách mạng cả nước.
- B. quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.
- C. quyết định thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước.
- D. quyết định với sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Câu 9. Từ năm 1961 - 1965, Mỹ thực hiện chiến lược chiến tranh nào ở miền Nam Việt Nam?

- A. Chiến tranh đặc biệt.
- B. Chiến tranh cục bộ.

C. Chiến tranh đơn phương. D. Việt Nam hóa chiến tranh.

Câu 10. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt” là

- A. dùng người Việt đánh người Việt. B. dùng chiến tranh nuôi chiến tranh.
C. giành lại quyền chủ động đã bị mất. D. ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc.

Câu 11. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ (1961 - 1965) là

- A. Núi Thành. B. Đồng Xoài. C. Vạn Tường. D. Đồng khởi.

Câu 12. Một trong những thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến lược “chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 - 1968) là

- A. Đồng Xoài. B. Vạn Tường. C. Trung Lào. D. Bình Giả.

Câu 13. Chiến thuật nào sau đây được Mỹ sử dụng trong chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam (1965 - 1968)?

- A. Tìm diệt và bình định. B. Đánh chắc tiến chắc.
C. Chiến tranh tổng lực. D. Bình định lần chiếm.

Câu 14. Trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh đặc biệt (1961-1965) của quân dân miền Nam, ba mũi giáp công là

- A. quân sự, chính trị, ngoại giao. B. quân sự, chính trị và binh vận.
C. quân sự, văn hóa và giáo dục. D. tư tưởng, văn hóa và kinh tế.

Câu 15. Thủ đoạn mới Mỹ sử dụng trong chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) là

- A. trực thăng vận và thiết xa vận. B. tiến hành thỏa hiệp với Liên Xô.
C. xây dựng nhiều “ấp chiến lược”. D. đã đưa quân Mỹ vào chiến đấu.

Câu 16. Một trong những âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá miền Bắc lần thứ nhất từ 1965-1968 là

- A. buộc quân dân miền Bắc đầu hàng không điều kiện.
B. không chế, hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên biển.
C. phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng của miền Bắc.
D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 17. Một trong những âm mưu của Mỹ khi tiến hành chiến tranh phá miền Bắc lần thứ hai (1972) là

- A. buộc quân dân Việt Nam đầu hàng không điều kiện.
B. không chế và hủy diệt đường Hồ Chí Minh trên bộ.
C. cứu nguy cho quân đội Sài Gòn đang sắp bị tiêu diệt.
D. buộc Việt Nam ký hiệp định theo hướng có lợi cho Mỹ.

Câu 18. Một trong những nguyên nhân thúc đẩy quân dân miền Nam phải tập trung lực lượng binh khí kỹ thuật để giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975 là

- A. Trung Quốc đã ép phải đánh nhanh. B. nhằm tận dụng thời cơ chiến lược mới.
C. lo ngại Mỹ về việc sẽ can thiệp trở lại. D. nhận được viện trợ to lớn từ Liên Xô.

Câu 19. Một trong những điểm tương đồng của chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) và “Điện Biên Phủ trên không” (1972) về tác động đến mặt trận ngoại giao là

- A. góp phần quyết định thắng lợi trên bàn đàm phán. C. giành ưu thế ngoại giao cho phe xã hội chủ nghĩa.
B. buộc kẻ thù phải thừa nhận xâm lược và rút quân. D. buộc Mỹ rút hết quân xâm lược và tay sai về nước

Câu 20. Một trong những điểm giống nhau của chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh (1969-1973) và chiến lược chiến tranh cục bộ (1965-1968) mà Mỹ đã thực hiện ở miền Nam là

- A. lực lượng chiến đấu chủ yếu. B. phạm vi thực hiện chiến tranh.
C. mục đích tiến hành chiến tranh. D. thủ đoạn mới được thực hiện.

PHẦN II. TRẮC NGHIỆM LỰA CHỌN ĐÚNG - SAI

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 51)

- a. Tư liệu trên nói về ý nghĩa cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam.
- b. Cuộc kháng chiến này đã chấm dứt hoàn toàn chủ nghĩa thực dân mới trên thế giới.
- c. Đó là một chiến công vĩ đại, có tầm quan trọng quốc tế to lớn và tính thời đại sâu sắc.
- d. Cuộc kháng chiến chống Mỹ thắng lợi đã chấm dứt mọi cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Mỹ đã huy động tới 6 triệu lượt binh sĩ (riêng lính Mỹ chiếm khoảng 3 triệu), chiếm 68% bộ binh, 60% lính thủy đánh bộ, 32% không quân chiến thuật, 50% không quân chiến lược, 40% hải quân chỉ để phục vụ cho cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Riêng năm 1968, mỗi ngày chi phí cho chiến tranh ở Việt Nam lên đến khoảng 100 triệu USD. Chi phí cho chiến tranh ở Việt Nam gấp 2,5 lần tiền Mỹ viện trợ cho tất cả các nước kém phát triển trong 25 năm, gần 70% tiền chuẩn chi cho quốc phòng Mỹ từ năm 1967 đến năm 1972.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 51).

- a. Chiến tranh xâm lược Việt Nam là cuộc chiến tranh tốn kém nhất lịch sử nước Mỹ.
- b. Để chiến thắng trong chiến tranh Việt Nam, Mỹ đã huy động tới 6 triệu lượt binh sĩ.
- c. Chiến tranh Việt Nam đã để lại hậu quả tai hại với nước Mỹ, “hội chứng Việt Nam”.
- d. Từ 1954 - 1975, Việt Nam đã chiến đấu chống lại đế quốc hùng mạnh nhất thế kỷ.

Câu 3. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống Mỹ, 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cũng đã chấm dứt hoàn toàn ách thống trị của chủ nghĩa thực dân - đế quốc ở Việt Nam, trên cơ sở đó hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã mở ra kỷ nguyên mới của Việt Nam: kỷ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 50).

- a. Cuộc kháng chiến chống Mỹ đã chấm dứt hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ ở Việt Nam.
- b. Thắng lợi đã hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thống nhất đất nước.
- c. Thắng lợi đã đưa nhân dân lên địa vị làm chủ, đưa Đảng Cộng sản thành đảng cầm quyền.
- d. Sau cuộc kháng chiến chống Mỹ, Việt Nam hoàn thành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nhiều đồng chí Việt Nam đã hy sinh trên chiến trường Sầm Nưa, cánh đồng Chum,.. Nhiều cán bộ Việt Nam đã sang Lào hoạt động từ khi cách mạng mới bắt đầu cho đến khi tóc bạc, coi nhân dân Lào như nhân dân mình, coi sự nghiệp cách mạng Lào như sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

(Sách giáo khoa Lịch sử 12, bộ Cánh diều, trang 47).

- a. Tư liệu trên nói về hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam tại chiến trường Lào.
- b. Hoạt động của quân tình nguyện Việt Nam đã quyết định thắng lợi cách mạng Lào.
- c. Lào và Việt Nam đã chiến đấu chống kẻ thù chung là thực dân Pháp, đế quốc Mỹ.
- d. Ngày nay, Lào và Việt Nam duy trì mối quan hệ đặc biệt về chính trị, kinh tế, xã hội.